

Số: 07/BC-ĐBCL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHẢO SÁT CỰU SINH VIÊN SAU 01 NĂM TỐT NGHIỆP 2019

Kính gửi: - **Ban Giám hiệu;**
- **Các đơn vị.**

Nội dung báo cáo:

Đề mục	Nội dung
Mục I	<u>Nội dung khảo sát</u>
Mục II	<u>Quá trình thực hiện</u>
Mục III	<u>Thống kê kết quả</u>
	<u>Thông tin việc làm của SV sau khi tốt nghiệp</u>
	<u>Nhận xét của SV về Chuẩn đầu ra CTĐT</u>
Mục IV	<u>Nhận xét chung</u>

I. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát bao gồm 2 nội dung chính sau đây nhằm giúp Nhà trường đề ra các giải pháp cải tiến kịp thời, phù hợp:

1. Thông tin tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
2. Ý kiến sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo, công tác quản lý và phục vụ đào tạo của Nhà trường.

II. Quá trình thực hiện

1. Thời gian

Từ ngày 09/3 đến 31/3/2020

2. Đối tượng

- Khảo sát cựu sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp.
- Thống kê số liệu: Có 342/3174 cựu sinh viên thực hiện khảo sát trên tổng số địa chỉ email đã gửi phiếu khảo sát; đạt tỷ lệ 10,77%.

3. Phương pháp

Cựu sinh viên trả lời Phiếu khảo sát online qua link: <http://danhgia.hcmute.edu.vn>

III. Thống kê kết quả

A. Mô tả phiếu khảo sát

Mục I. Thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Mục I bao gồm các câu hỏi về tình hình nghề nghiệp, thu nhập của sinh viên sau khi đi làm, tỷ lệ đào tạo thêm từ doanh nghiệp, mức độ đáp ứng với thực tế công việc, kỹ năng tiếng Anh. Cựu sinh viên trả lời bằng cách chọn vào các phương án đã được liệt kê sẵn hoặc viết vào các ô trống.

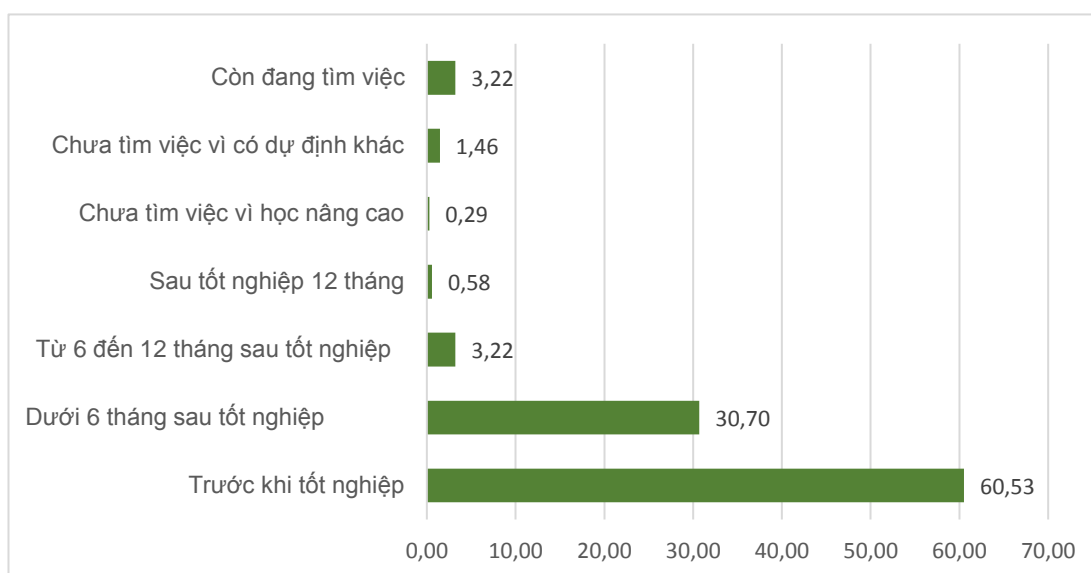
Mục II. Nhận xét của sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo.

Cựu sinh viên nhận xét về chương trình đào tạo đã học, mức độ hài lòng đối với giảng viên, trang thiết bị phòng học, công nghệ thông tin. Cựu sinh viên chọn phương án trả lời có sẵn hoặc tự viết vào các ô trống. Cựu sinh viên chọn một trong 5 mức: **1 – Rất không đồng ý, 2 – Không đồng ý, 3 – Phân vân, 4 – Đồng ý, 5 – Hoàn toàn đồng ý.**

B. Kết quả khảo sát

Mục I. Thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

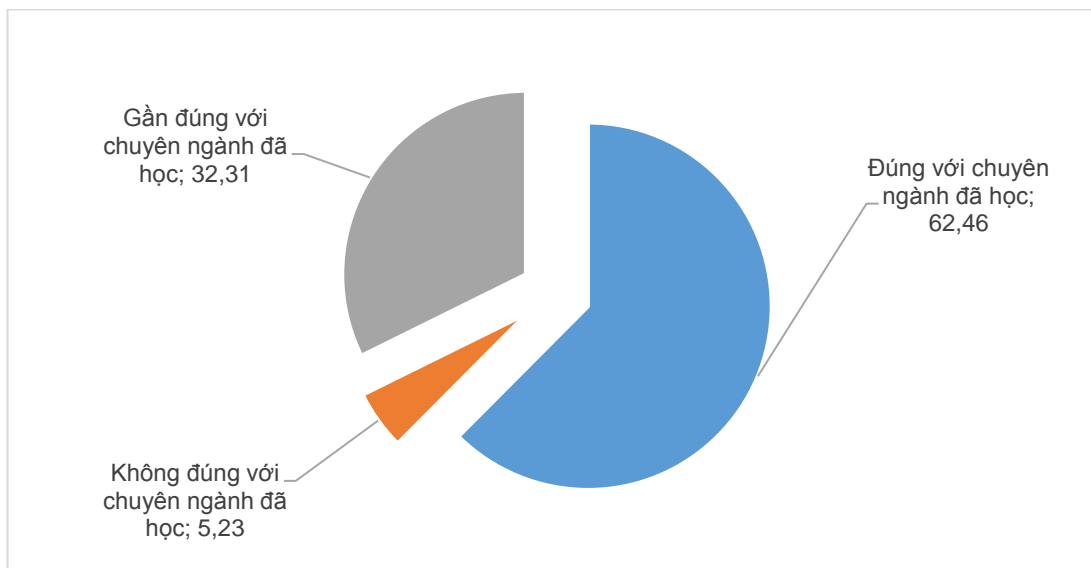
1. Tình hình việc làm của cựu sinh viên



Hình 1. Tình hình việc làm của Cựu sinh viên

Từ biểu đồ so sánh trên cho thấy tình hình việc làm của cựu sinh viên đạt 95,03%; tương đương với số liệu khảo sát năm 2018 (97,78%); 4,97% sinh viên chưa có việc làm, trong đó sinh viên học nâng cao hoặc có dự định khác là 1,46% và 3,22% sinh viên đang tìm việc.

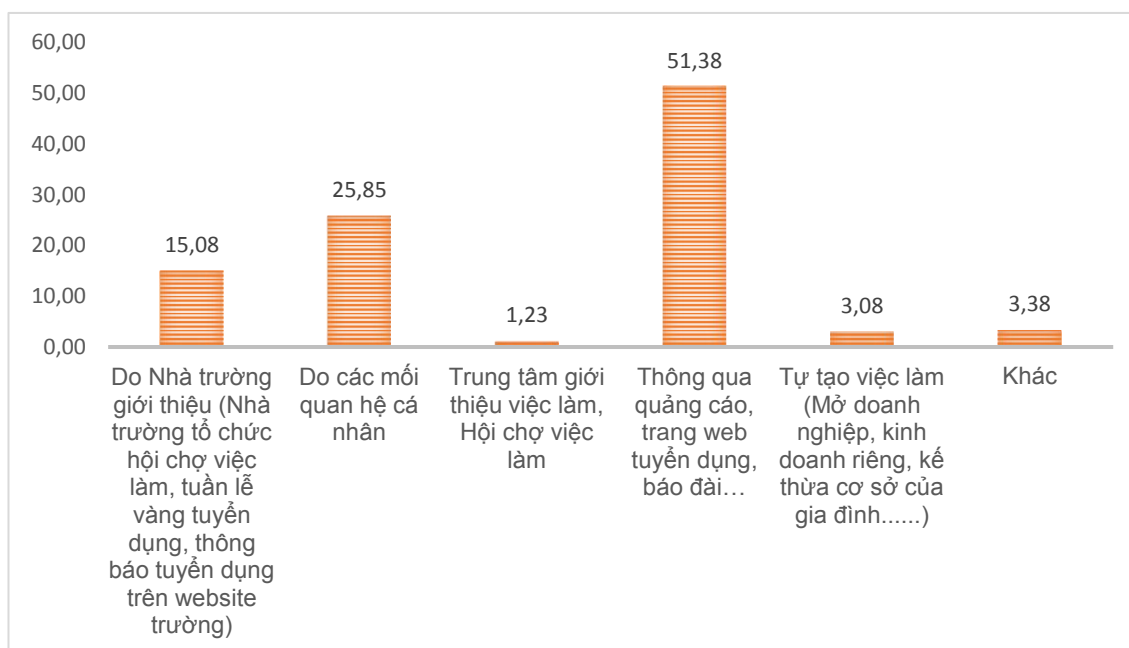
2. Tình hình việc làm của cựu sinh viên so với chuyên ngành đã học



Hình 2. Tỷ lệ Cựu sinh viên học đúng chuyên ngành đã học

Trong số cựu sinh viên đã có việc làm, có 62,46% sinh viên có việc làm đúng với chuyên ngành đã học; 32,31% sinh viên có việc làm gần đúng với chuyên ngành đã học và 5,23% sinh viên có việc làm không đúng với chuyên ngành.

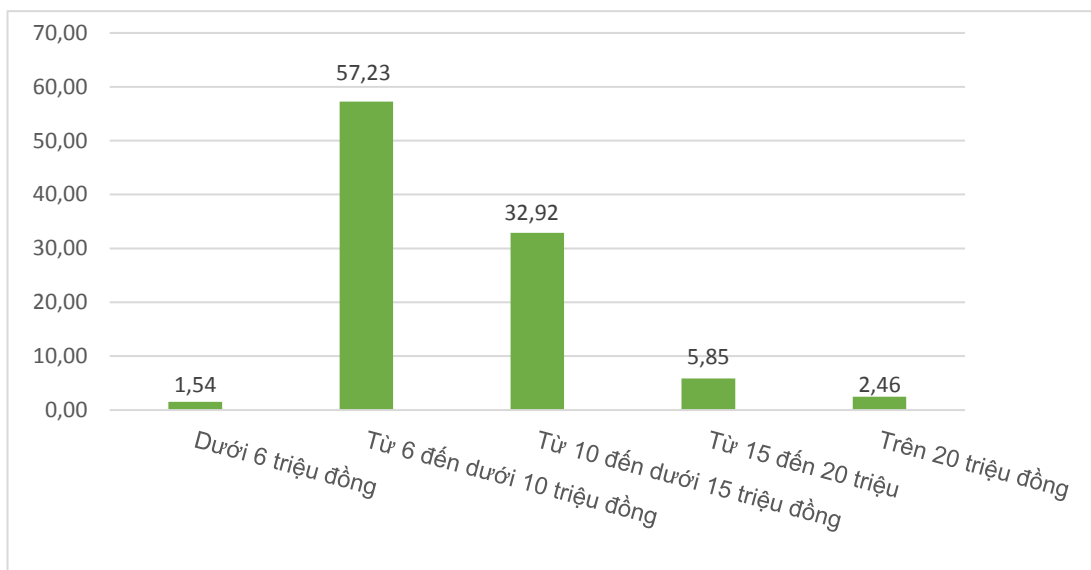
3. Anh/Chị tìm được việc làm thông qua những con đường nào?



Hình 3. Các phương thức tìm việc làm

Hầu hết cựu sinh viên tìm được việc làm là do tự chủ động tìm kiếm cơ hội qua các trang quảng cáo, trang web tuyển dụng, thông tin từ báo đài (51,38%). Điều này chứng tỏ cựu sinh viên hoàn toàn tự tin với kiến thức cũng như kỹ năng được học tại trường để thích ứng với công việc. Năm nay, tỷ lệ % cựu SV có việc làm do Nhà trường giới thiệu đã tăng hơn so với năm 2018 (12,4%), điều này chứng minh rằng công tác tổ chức Ngày hội việc làm của Nhà trường ngày càng được cải tiến và đạt hiệu quả tốt.

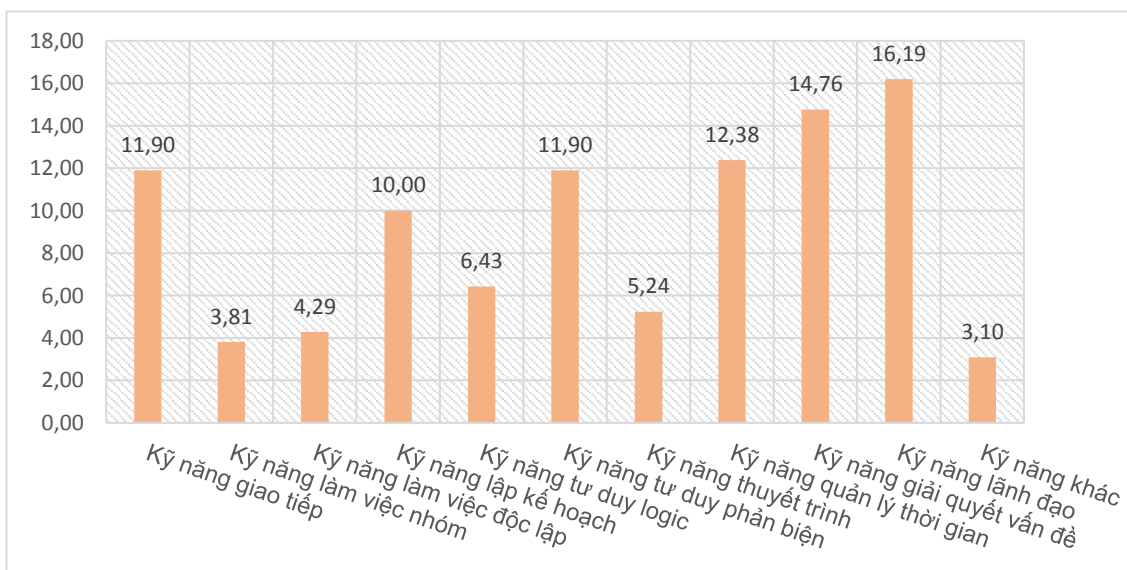
4. Thu nhập bình quân hàng tháng của cựu sinh viên



Hình 4. Thu nhập bình quân hàng tháng

Có 57,23% cựu sinh viên có thu nhập từ 6 đến 10 triệu đồng (số liệu năm 2018: 54,5%); 32,92% có mức lương từ 10 đến 15 triệu đồng (số liệu năm 2018: 33,5%); 5,85% có mức lương từ 15 đến 20 triệu đồng (số liệu năm 2018: 2,3%); và 2,46% cựu sinh viên có mức lương trên 20 triệu đồng (số liệu năm 2018: 7,4%).

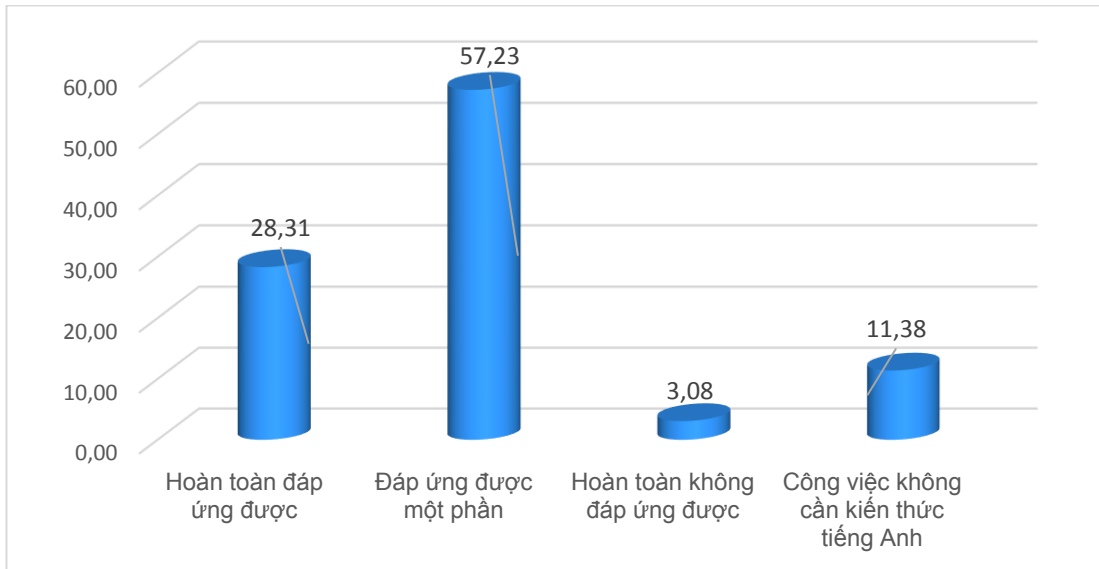
5. Anh/Chị cảm thấy thiếu những kỹ năng nào khi mới đi làm



Hình 5. Kỹ năng còn thiếu khi đi làm

Qua biểu đồ hình 5 cho thấy đa phần cựu sinh viên đều được đào tạo thêm về kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng quản lý thời gian. Số liệu này tương đồng với số liệu khảo sát năm 2018.

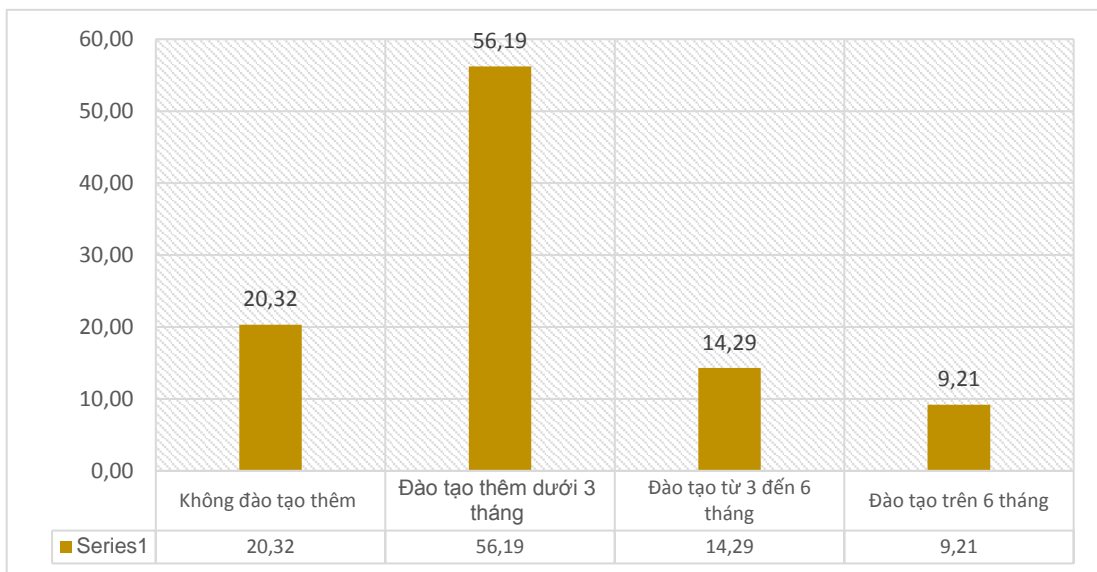
6. Trình độ tiếng Anh của Anh/Chị đáp ứng được yêu cầu công việc không?



Hình 6. Khả năng đáp ứng yêu cầu sử dụng tiếng Anh trong công việc

Biểu đồ so sánh số liệu cho thấy tỷ lệ cựu sinh viên hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu sử dụng tiếng Anh trong công việc tăng so với năm trước: 28,31% (số liệu năm 2018 là 22,7%); tỷ lệ sinh viên hoàn toàn không đáp ứng được đã giảm từ 9,1% xuống còn 3,08%. Nhà trường cần tiếp tục cải tiến để nâng cao tỷ lệ tiếng Anh của sinh viên.

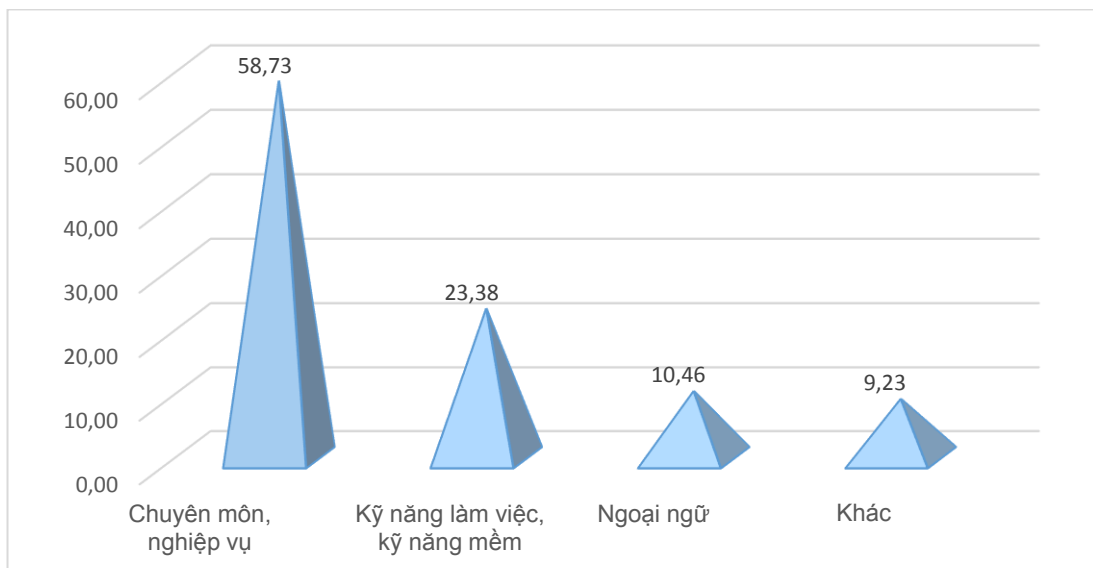
7. Khi làm việc, nhà tuyển dụng có đào tạo thêm cho Anh/Chị không



Hình 7. Tình hình nhà tuyển dụng đào tạo thêm cho sinh viên

Từ biểu đồ cho thấy nhà tuyển dụng đào tạo thêm dưới 3 tháng chiếm 56,19% (số liệu khảo sát năm 2018: 52,8%); từ 3 đến 6 tháng: 14,29% đã giảm so với năm 2018 (17%), và đào tạo trên 6 tháng : 9,21% (số liệu năm 2018 là 10,2%).

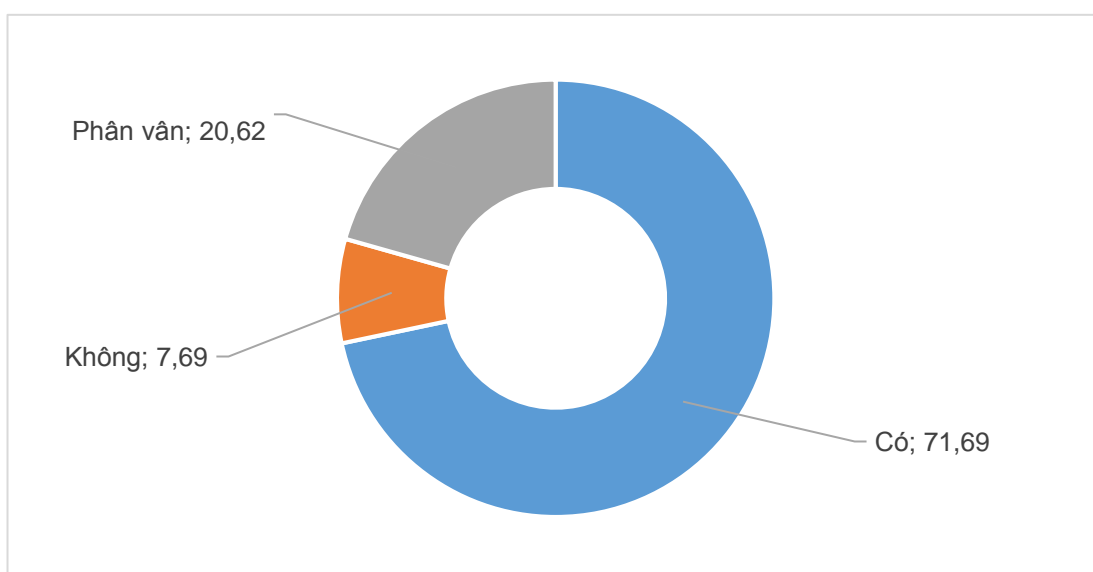
8. Nếu Anh/Chị được đào tạo thêm thì nội dung đào tạo liên quan đến:



Hình 8. Các lĩnh vực cựu sinh viên được đào tạo thêm

Biểu đồ hình 7, 8 cho thấy hầu hết cựu sinh viên ra trường đều được đào tạo thêm. Các lĩnh vực đào tạo thêm về chuyên môn, nghiệp vụ; kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm và ngoại ngữ để phù hợp với yêu cầu công việc.

9. Anh/Chị có hài lòng với công việc hiện tại không?

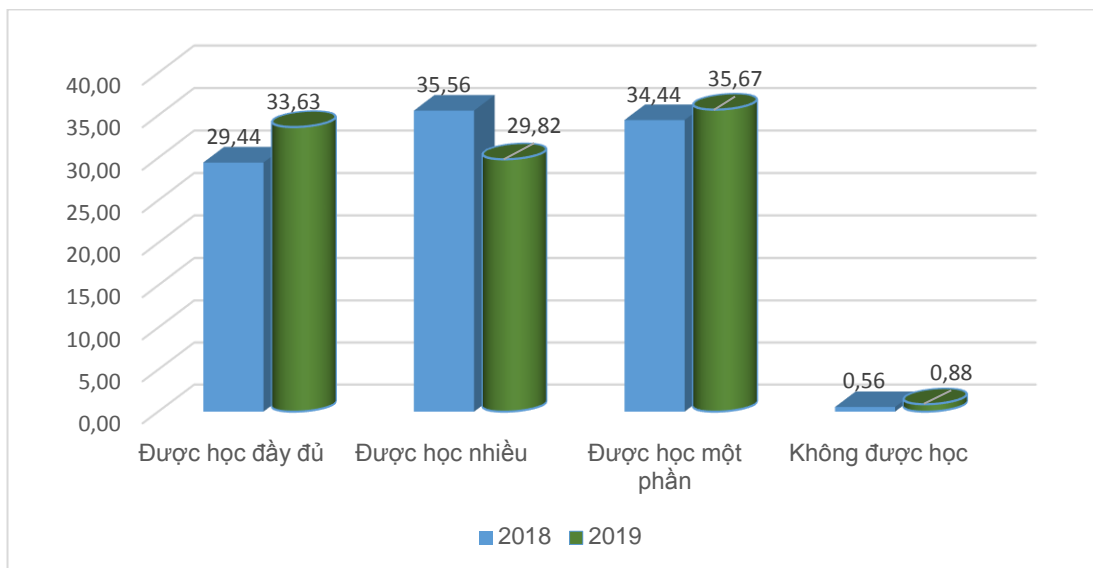


Hình 9. Mức độ hài lòng với công việc hiện tại

Tỷ lệ cựu sinh viên hài lòng với công việc hiện tại có 71,69% sinh viên hài lòng, 7,69% sinh viên không hài lòng và 20,62% sinh viên còn phân vân

Mục II. Nhận xét của sinh viên tốt nghiệp về chuẩn đầu ra, mục tiêu và chương trình đào tạo.

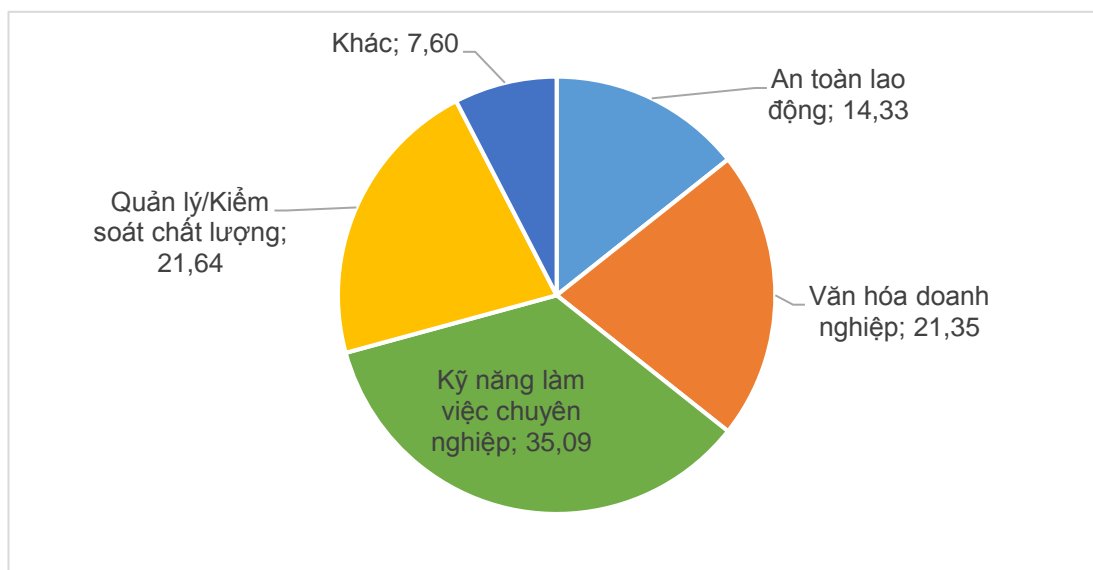
1. Anh/Chị đã được học những kiến thức và kỹ năng cần thiết theo ngành tốt nghiệp?



Hình 10. Kiến thức kỹ năng cần thiết đã được học theo ngành

Nhìn chung, tỷ lệ % cựu SV năm nay đánh giá là đã học được đầy đủ kiến thức và kỹ năng có sự gia tăng (4,19%). Tuy nhiên, tỷ lệ % được học nhiều thì lại giảm (5,74%). Nhà trường cần chú ý bổ sung thêm nhiều kiến thức cho SV bên cạnh những kiến thức cơ bản về ngành học.

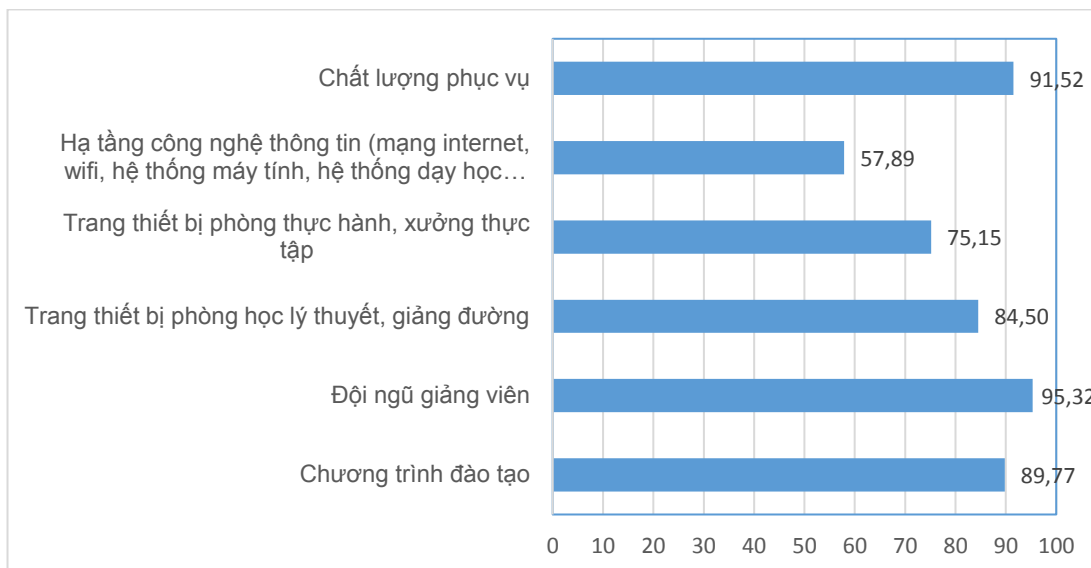
2. Theo Anh/Chị, những môn học cần được bổ sung vào chương trình học



Hình 11. Môn học cần bổ sung thêm vào CTĐT

Có đến 35,09% cựu sinh viên mong muốn bổ sung môn học kỹ năng làm việc chuyên nghiệp vào chương trình đào tạo; 21,64% về quản lý, kiểm soát chất lượng; 21,35% về văn hóa doanh nghiệp và 14,33% về an toàn lao động. Ngoài ra, có 5,3% cựu sinh viên mong muốn học những môn học khác.

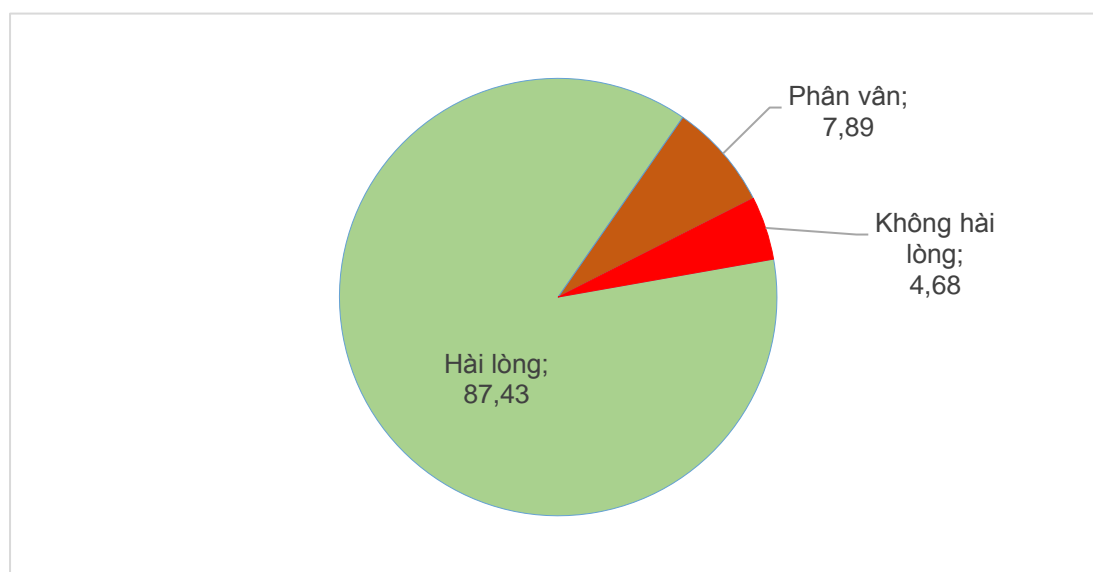
3. Mức độ hài lòng của cựu sinh viên về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị phục vụ giảng dạy



Hình 12. Mức độ hài lòng của cựu sinh viên về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị phục vụ giảng dạy

Dữ liệu khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của cựu sinh viên về hạ tầng công nghệ thông tin (mạng internet, wifi, hệ thống máy tính, hệ thống dạy học trực tuyến) còn thấp, chỉ đạt 57,89%. Nhà trường cần có những biện pháp cải tiến phù hợp để nâng cao tỷ lệ này.

4. Anh/Chị hài lòng về chất lượng đào tạo tại trường?



Hình 13. Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo

Qua biểu đồ có thể thấy được hầu hết cựu sinh viên hài lòng về chất lượng đào tạo tại trường: 87,43%; 4,68% cựu sinh viên không hài lòng và 7,89% còn đang phân vân.

IV. Nhận xét chung

Nhà trường đáp ứng hầu hết yêu cầu của người học về cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ, đội ngũ giảng viên và chương trình đào tạo.

Tỷ lệ cựu sinh viên tham gia khảo sát còn thấp chỉ khoảng 10,77%. Do đó, các khoa cần phối hợp, hỗ trợ, là đầu mối liên lạc với cựu sinh viên, nhắc nhở cựu SV thực hiện khảo sát của Nhà trường.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (*để biết*);
- Các đơn vị (*gửi email*);
- Lưu phòng ĐBCL.

TP. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG



GVC. ThS. Đinh Thành Ngân